TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2021/HN&GĐ - ST
Ngày: 28/9/2021
Về việc tranh chấp:
"Ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHỔ YÊN TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Dương Văn Toàn

2. Bà Vũ Thị Luyến

Thư ký phiên toà: Ông Trần Anh Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên.

Đại diện VKS thị xã Phổ Yên tham gia phiên toà: Ông Dương Văn Thuận - KSV

Ngày 20 tháng 9 năm 2021 tại Hội trường Toà án nhân dân thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân & gia đình thụ lý số: 115/2021/TLST – HN&GĐ ngày 07 tháng 5 năm 2021, về việc *" Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn",* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX - ST ngày 27/8/2021, Quyết định hoãn phiên toà số: 23/QĐH ngày 14/9/2021 và Quyết định hoãn số 24/QĐH ngày 20 tháng 9 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị B , sinh năm 1979

ĐKHKTT: xóm Trung Quân, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên

2. Bị đơn: Anh Hà Huy H , sinh năm 1976

ĐKHKTT: xóm Trung Quân, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Có mặt chị B , anh H tại phiên toà)

3. Người làm chứng:

3.1. Anh Hà Văn N , sinh năm 1998;

3.2. Anh Hà Quốc Đ , sinh năm 2001.

Đều ĐKHKTT: Xóm Trung Quân, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, Thái Nguyên.

(Có mặt anh Đ , vắng mặt anh N).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 05/5/2021, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 07/5/2021 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hà Huy H kết hôn năm 1997, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên), tỉnh Thái Nguyên vào ngày 19/11/1997.

Từ sau khi kết hôn đến năm 2010 cuộc sống vợ chồng bình thường, cho đến khi anh Hoàng đi công tác tại Yên Bái có chơi bời cờ bạc sau đó bỏ về chị nhờ người thân xin cho anh Hoàng làm tại Công ty xi măng Quán Triều, khi làm ở nơi mới anh Hoàng vẫn bản tính cũ chơi bời không bao giờ quan tâm đến gia đình, không lo toan cho gia đình, chị chưa bao giờ biết đến đồng lương của chồng, tự chị lo liệu cho các con, đến năm 2011 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân do càng chung sống, vợ chồng càng nảy sinh những điểm bất đồng, không hoà hợp về cách sống, cách suy nghĩ dẫn đến việc vợ chồng thường nảy sinh những cãi vã, xô sát làm ảnh hưởng đến tâm lý của bản thân chị và của các con. Anh H đi làm xa nhà thường ở lại cơ quan cả tuần, chỉ cuối tuần hoặc khi gia đình có công việc, anh mới về nhà thăm các con. Từ năm 2011 đến nay, chị và anh H đã không còn đời sống sinh hoạt vợ chồng, chỉ là vợ chồng trên danh nghĩa. Do đã quá chán nản với cuộc hôn nhân như vậy nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn vì tình cảm vợ chồng đã không còn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Hà Văn N , sinh ngày 14/8/1998 và Hà Quốc Đ , sinh ngày 28/7/2001, các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Tại đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung về chia tài sản ngày 11/5/2021, chị Nguyễn Thị B xác định vợ chồng có tài sản chung nhưng không thể thỏa thuận được nên đề nghị Tòa án phân chia QSD đất và công trình nhà trên đất gồm:

Về đất đã được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên hộ ông, bà Hà Huy H , giấy chứng nhận QSD đất số AA 171222 do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 07/7/2004, diện tích 70m^2 đất ở tại thửa 114a, tờ bản đồ 14, ngoài ra còn đất vườn nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận nên chị không yêu cầu về đất này.

Về nhà ở: trên đất có nhà cấp 4, một tầng, một tum chống nóng; công trình bếp, chuồng trại chị đề nghị phân chia tài sản. Do đất hẹp hiện đã làm nhà hết diện tích nên chị tha thiết đề nghị được lấy bằng hiện vật, tổng giá trị tài sản đất và công trình trên đất chị có trách nhiệm thanh toán chênh lệch cho anh H ½ giá trị bằng tiền.

Các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có

Tại bản tự khai, trong quá trình hoà giải và tại phiên toà bị đơn anh Hà Huy Hoàng trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Lời trình bầy của chị B không đúng, thực tế vợ chồng mâu thuẫn đến nay khoảng 6 năm chứ không phải 10 năm như chị B trình bầy. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng có quan điểm trái ngược nhau trong việc sửa chữa nhà, chị B làm việc gì lớn trong gia đình không thông qua anh, coi anh không phải là người trong gia đình, những lần mâu thuẫn có xô sát nhỏ sau đó anh đã ra nhà ngoại xin lỗi chứ không phải không. Tuy nhiên, đến thời

điểm này anh vẫn mong muốn vợ chồng đoàn tụ để các con có chỗ dựa cả về vật chất và tinh thần. Do đó, anh không đồng ý ly hôn. Mặc dù anh đang công tác tại Tp Thái Nguyên nhưng trong tuần về nhà khoảng 3 lần và ngày nghỉ cuối tuần ở nhà lo toan cho gia đình và các con. Về mâu thuẫn, cãi vã thì bất cứ gia đình nào cũng có. Theo anh, mâu thuẫn giữa vợ chồng với chị Bích chưa đến mức phải ly hôn. Bên cạnh đó, 02 con chung của anh, chị đều đang học đại học, các cháu vẫn chưa lập gia đình. Do vậy, anh muốn giữ gia đình để cho các con đến khi xây dựng gia đình. Khi các cháu đã xây dựng gia đình xong, chị B đề nghị ly hôn thì lúc đó anh hoàn toàn nhất trí.

Trong trường hợp phải ly hôn anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Anh vẫn không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chúng tôi có 02 con chung tên Hà Văn N , sinh ngày 14/8/1998 và Hà Quốc Đ , sinh ngày 28/7/2001, như chị B trình bầy các cháu đã trưởng thành nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Về nhà đất được cho là tài sản riêng của anh do bố mẹ anh mua cho. Trong trường hợp phải ly hôn, anh không đồng ý phân chia nhà, đất mà để lại cho các con. Các con cũng không đóng góp công sức gì cho vợ chồng khi làm nhà. Trong trường hợp phải ly hôn về tài sản anh đồng ý cho chị B tiếp tục ở nhà và đất, nhưng không đồng ý phân chia mà để lại cho các con sử dụng chung.

Các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có

Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, biên bản đo đất và hiện trạng; biên bản định giá tài sản ngày 16/7/2021 của Tòa án xác định tài sản như sau:

Vị trí giáp ranh của thửa đất: Phía Bắc giáp thửa đất số 1574; Phía nam giáp đường; Phía Đông giáp thửa 114; Phía Tây giáp thửa 114b (đất vườn của chị Bích, anh Hoàng chưa được cấp giấy chứng nhận). Đất ở đơn giá = 4.000.000đ/m^2, tổng giá trị đất = 280.000.000đ *(Hai trăm tám mươi triệu đồng)*

Công trình nhà và bếp trên đất:

01 nhà hai tầng (01 tầng một tum), tường xây gạch chỉ (xây 2004) diện tích 71 m^2 = 180.057.000đ; Tường rào xây gạch chỉ = 1.520.000đ; 01 sân láng xi măng = 4.500.000đ; 01 bếp xây gạch chỉ mái ngói trên phần đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất = 9.000.000đ; 01 khu chuồng trại trên phần đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất = 17.850.000đ; 01 cổng khung sắt lưới thép B40 = 100.000đ; 01 cây sấu đường kính gốc 40cm = 2.000.000đ

Tổng trị gái tài sản: **495.027.000đ** *(Bằng chữ:Bốn trăm chín mươi lăm triệu không trăm hai mươi bẩy ngàn đồng).*

Tại phiên tòa, đại diện VKSND thị xã Phổ Yên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, của Hội đồng xét xử của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đứng trình tự, thủ tục tố tụng, không có ý kiến đề nghị, kiến nghị gì.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay, chị Nguyễn Thị Bích vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Huy Hoàng. Xét mâu thuẫn như anh chị đã thừa nhận 8 năm nay. Do vậy, cần giải quyết việc ly hôn cho chị Bích với anh Hoàng.

Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56 Luật HN&GĐ: Cho chị Bích được ly hôn anh Hoàng.

+ Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra việc giải quyết.

+ Tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của chị Bích

Theo đó phân chia giá trị QSD đất và tài sản trên đất bằng hiện vật cho chị Bích, chị Bích có nghĩa vụ trích trả chênh lệch bằng tiền cho anh Hoàng.

Các khoản nợ chung, cho vay chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chị Bích phải chịu án phí ly hôn; về án phí tài sản các bên đương sự phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản được hưởng..

+ Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe đại diện VKS phát biểu quan điểm chấp hành pháp luật tố tụng và quan điểm về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị B khởi kiện xin ly hôn và đề nghị giải quyết về tài sản chung với bị đơn anh Hà Huy H , cả hai có đăng ký nhân khẩu thường trú và bất động sản đều thuộc xóm Trung Quân, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự xác định đây là Tranh chấp về hôn nhân gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phổ Yên.

[2]. Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành các biện pháp xác minh thu thập chứng cứ, nên Viện kiểm sát nhân thị xã Phổ Yên tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về nội dung

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh H , HĐXX nhận thấy: cả hai kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 1997, tại Ủy ban nhân dân xã Tiên Phong, huyện Phổ Yên (nay là thị xã Phổ Yên). Do đó, quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Việc không đồng ý ly hôn để vợ chồng đoàn tụ của anh Hoàng là chính đáng, bởi mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng phải chung thủy, thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt, song qua các buổi hòa giải cả hai anh chị đều xác

định mâu thuẫn đến nay đã gần 10 năm mặc dù vẫn còn chung dưới một mái nhà. Điều này phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ của Tòa án, cụ thể:

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng: anh Hà Văn N và Hà Quốc Đ là các con đẻ của chị B và anh H , hiện các con đã trưởng thành xác định: mâu thuẫn của bố mẹ từ rất nhiều năm, khoảng năm 2014 do tính chất công việc của bố đi làm tại Công ty xi măng Quán Triều tại Thái Nguyên nên ở lại Công ty, cuối tuần mới về gia đình, khi về thì thường uống rượu và chửi mẹ, mặc dù đã được các con khuyên giải và hàn gắn nhưng bố vẫn chứng nào tật đó, xúc phạm và đánh đập cả ba mẹ con. Từ khi đi học đến nay bố chưa khi nào lo tiền cho hai anh em học nếu xin không cho thậm chí con mắng chửi. Việc bố đánh mẹ từ lúc bé các anh đã được chứng kiến đến cả hiện nay, mẹ cũng đã chịu đựng nhiều và bỏ qua nhưng việc bố bạo hành mẹ vẫn thường xuyên xẩy ra. Mặc dù không muốn bố mẹ ly hôn, gia đình ly tán nhưng anh em anh và mẹ đã không thể nhẫn nhịn mãi được nên mong Tòa án đứng ra làm cán cân xét xử để mẹ được sống yên ổn.

Phía anh H cho rằng mâu thuẫn vợ chồng là nhỏ nhặt không đến nỗi phải ly hôn đề nghị được đoàn tụ. Tại phiên toà anh Hoàng xác định vợ chồng ly thân và không còn đời sống tình dục từ 6 năm nay. Nguyên nhân từ mâu thuẫn vợ chồng nên anh muốn gần gũi nhưng chị Bích không đồng ý nên xảy ra tình trạng như hiện nay. Việc anh Hoàng đề nghị đoàn tụ trong khi chỉ xuất phát từ một phía.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và Gia đình ghi:*"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ sống chung với nhau..."* Như vậy, chị B , anh H đã không thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại phiên tòa, chị B vẫn giữ nguyên quan điểm cương quyết xin ly hôn với anh H và khẳng định không còn tình cảm gì với anh H từ nhiều năm nay, Như vậy, nếu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B mà cho vợ chồng anh chị đoàn tụ thì cũng không thể xây dựng gia đình trọn vẹn như ban đầu. Việc anh H không đồng ý ly hôn chỉ là gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án nên không có cơ sở chấp nhận xin đoàn tụ.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".*

Từ những căn cứ nêu trên, HĐXX thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa chị B và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả 2 bên. Do vậy, HĐXX thấy cần thiết phải chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị B với anh H là phù hợp theo quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2].Về con chung**:** Quá trình chung sống, chị B và anh H có 02 con chung: Hà Văn N, sinh ngày 14/8/1998; Hà Quốc Đ , sinh ngày 28/7/2001. Xét thấy cả hai đã trưởng thành nên không đặt ra việc giải quyết.

[3.3].Về tài sản chung:

Hiện chị B và anh H đang có sự tranh chấp về việc xác định tài sản chung và tài sản riêng. Anh H cho rằng là tài sản riêng của bố mẹ đẻ cho riêng khi mua đất mẹ anh vẫn ở chung khoảng 6 năm mới về ở với anh trai. Chị B xác định là tài sản chung của vợ chồng vì trước năm 2004 anh, chị được bố mẹ chồng cho một nhà ở vị trí khác, sau đó bán đi và mua đất hiện tại vợ chồng và các con ở như hiện nay.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Toà án thực hiện ngày 16/7/2021, xác định khối tài sản đang tranh chấp là: Về đất ở và tài sản trên đất gồm: Đất ở, giấy chứng nhận QSD đất số AA 171222 do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 07/7/2004, diện tích 70m^2 đất ở tại thửa 114a, tờ bản đồ 14, ngoài ra còn đất vườn nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận trên đất có 01 nhà hai tầng (01 tầng một tum), tường xây gạch chỉ (xây 2004) diện tích 71m^2 = 180.057.000đ; Tường rào xây gạch chỉ = 1.520.000đ; 01 sân láng xi măng = 4.500.000đ; 01 bếp xây gạch chỉ mái ngói trên phần đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất = 9.000.000đ; 01 khu chuồng trại trên phần đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất = 17.850.000đ; 01 cổng khung sắt lưới thép B40 = 100.000đ; 01 cây sấu đường kính gốc 40cm = 2.000.000đ

Tổng trị gái tài sản: **495.027.000đ** *(Bằng chữ:Bốn trăm chín mươi lăm triệu không trăm hai mươi bẩy ngàn đồng).*

Theo đó, chị B và anh H xây dựng gia đình năm 1997, đến năm 2004 mua đất và làm nhà. Do vậy xác định, khối tài sản đang tranh chấp được hình thành sau khi chị B và anh H kết hôn về nguồn gốc hình thành tài sản từ gia đình anh H cho vợ chồng trước đó. Anh H không có chứng cứ chứng minh đó là tài sản riêng. Do vậy, thửa đất và các tài sản trên phải được coi là tài sản chung của vợ chồng.

Theo quy định tại Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình thì: *" Tài sản chung vợ chồng gồm tài sản do vợ chồng tạo ra, thu nhập do lao đông……. trong thời kỳ hôn nhân, Tài sản do vợ chồng được thừa kế,* ***tặng cho chung*** *",*

Tại khoản 3 Điều 33 còn quy định: *" Trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung của vợ chồng".*

Chị B đề nghị phân chia anh H không đồng ý phân chia mà để lại cho các con. HĐXX thấy: Hiện chị B là phụ nữ cũng đã trung tuổi, ngoài ngôi nhà đang ở chị Bích cũng không có nơi ở nào khác, nhà công trình của vợ chồng được xây dựng có diện tích 71m^2 diện tích nhà xây hết diện tích đất nên không thể chia đối bằng hiện vật, nếu chia mỗi người một tầng sẽ mất đi tính năng sử dụng giá trị của ngôi nhà và có thể xảy ra xung đột khi hai người cùng sử dụng ngôi nhà này. Do đó, cần xem xét thực tế sử dụng, nguyện vọng của chị B là phụ nữ muốn ở lại nhà cùng hai con, bởi từ lâu anh H chỉ về nhà vào thứ 7, chủ nhật nên xét có thể chấp nhận

yêu cầu này giao toàn bộ tài sản chung của vợ chồng là nhà, đất và các công trình phụ trên đất cho chị B được quyền sở hữu, sử dụng, đồng thời chị B có nghĩa vụ thanh toán giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia cho anh H không được nhận bằng hiện vật. Xét thấy, khối tài sản chung của vợ chồng chị B , anh H đều có công sức đóng góp ngang nhau nên mỗi người được chia ½ giá trị tài sản theo quy định của pháp luật, cụ thể giá trị phần tài sản mỗi bên được nhận là tổng giá trị tài sản chung của vợ chồng **495.027.000đ** : 2 = **247.513.500đ** . Hội đồng xét xử xét thấy cần chia tài sản cho các đương sự như sau:

- Giao cho chị Nguyễn Thị B được quyền sử dụng, sở hữu những tài sản gồm: Đất ở có diện là 70m^2, có chiều rộng mặt trước giáp đường giao thông là 5,00m (hướng bắc và nam); chiều dài 14 m phía đông và tây của thửa đất, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giấy chứng nhận QSD đất số AA 171222 do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 07/7/2004, diện tích 70m^2 đất ở tại thửa 114a, tờ bản đồ 14. Vị trí đất thuộc xóm Trung Quân, xã Tiên Phong.

Tài sản trên đất: giao cho chị B nhà cấp bốn (01 tầng và 01 tum), xây gạch chỉ, mái lợp Prôxi măng xây dựng năm 2014; 01 bờ tường xây gạch chỉ; 01 sân láng xi măng; 01 bếp xây gạch mái ngói; 01 chuồng trại chăn nuôi; 01 cổng sắt; 01 cây sấu đường kính 40 cm (riêng bếp và công trình bếp và chuồng trại xây trên đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất - do chưa đủ diện tích tối thiểu để được công nhận và cấp giấy chứng nhận). Tại phiên toà chị B cũng không đề nghị gì về thửa đất vườn chưa được công nhận quyền sử dụng nên HĐXX không đề cập. Tổng giá trị tài sản chị Bích đ quyền sử dụng và sở hữu: **495.027.000đ**

Chị B có trách nhiệm trả cho anh H giá trị phần chênh lệch về tài sản được chia là **247.513.500** đồng.

Nếu anh Hoàng có khó khăn về chỗ ở thì được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Đất ở: diện tích 70m^2, thửa 114a, tờ bản đồ 14 thuộc xóm Trung Quân, xã Tiên Phong.

Tài sản trên đất: 01 nhà hai tầng, tường xây gạch chỉ (xây 2004) diện tích 71 m^2 = 180.057.000đ; Tường rào xây gạch chỉ = 1.520.000đ; 01 sân láng xi măng = 4.500.000đ; 01 bếp xây gạch chỉ mái ngói trên phần đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất = 9.000.000đ; 01 khu chuồng trại trên phần đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận QSD đất = 17.850.000đ; 01 cổng khung sắt lưới thép B40 = 100.000đ; 01 cây sấu đường kính gốc 40cm = 2.000.000đ. Tổng trị gía tài sản: **495.027.000đ** *(Bốn trăm chín mươi lăm triệu không trăm hai mươi bẩy ngàn đồng)*. Tài sản chung được chia đôi mỗi người được hưởng 50% với số tiền là: **247.513.500đ** *(Hai trăm bốn mươi bẩy triệu năm trăm mười ba ngàn năm trăm đồng)*.

[5]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: chị B anh H xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[6]. Về chi phí cho việc đo đất, thẩm định và định giá tài sản:

Tại phiên toà chị B tự nguyện chịu chi phí số tiền thẩm định, định giá và đo đất là 5.000.000đ, không yêu cầu anh H trích trả. Do đó, HĐXX ghi nhận sự tự nguyện chi phí này của chị B . Xác nhận chị B đã nộp và chi phí xong.

[7]. Về án phí:

Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ và án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng (**247.513.500đ** x 5%) = 12.375.675đ, tổng cộng hai khoản là **12.675.675.đ,** chị B được đối trừ khoản tiền tạm ứng đã nộp trước đó; anh H phải chịu án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng (**247.513.500đ** x 5%) = 12.375.675đ.

[8]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, 157, 158, 165, 166, điểm c khoản 1 Điều 217, các Điều 218, 219, khoản 2 Điều 227, các khoản 1, 3 Điều 228, các Điều 235, 244 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 213, 280, 357, 468 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 33, Điều 51, Điều 53, Điều 54, 56, Điều 57, Điều 59, Điều 62 và Điều 63 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ các Điều 95, 99 và 100 của Luật đất đai năm 2013;

Điểm a, e khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị B về yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân với anh Hà Huy H

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị B được ly hôn với anh Hà Huy H .

2. Về con chung: đã trưởng thành, không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung:

3.1. Giao cho chị Nguyễn Thị B được quyền sử dụng thửa đất số 114a, tờ bản đồ 14 đất ở có diện là 70m^2 (kèm theo là sơ đồ thửa đất), theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AA 171222 do UBND huyện Phổ Yên cấp ngày 07/7/2004, vị trí đất thuộc xóm Trung Quân, xã Tiên Phong.

Tài sản trên đất: Giao chị B sở hữu, sử dụng toàn bộ nhà ở và các tài sản gắn liền trên thửa đất 114a, tờ bản đồ 14 có vị trí tại xóm Trung Quân, xã Tiên Phong, thị xã Phổ Yên (kèm công trình chuồng chăn nuôi và bếp trên thửa đất vườn chưa được cấp giấy chứng nhận). Tổng giá trị các tài sản là **495.027.000đ** (*Bốn trăm chín mươi lăm triệu không trăm hai mươi bẩy ngàn đồng).*

Chị B có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận QSD đất, quyền sở hữu nhà và các tài sản gắn liền trên đất theo quy định đối với thửa đất được giao.

Đối với đất vườn chưa đủ điều kiện cấp QSD chị B không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xêt.

3.2. Chị Nguyễn Thị B có nghĩa vụ thanh toán cho anh Hà Huy H giá trị chênh lệch tài sản được hưởng là **247.513.500đ** *(Hai trăm bốn mươi bẩy triệu năm trăm mười ba ngàn năm trăm đồng*).

3.3. Anh Hà Huy H được quyền sở hữu, sử dụng số tiền chênh lệch về tài sản do chị Bích trích trả **247.513.500đ** *(Hai trăm bốn mươi bẩy triệu năm trăm mười ba ngàn năm trăm đồng*) và được quyền lưu cư trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày quan hệ hôn nhân chấm dứt, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.

Kể từ ngày có đơn thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Khoản nợ chung, cho vay chung: Không có.

5. Về chi phí thẩm định, định giá tài sản và đo đất: Ghi nhận việc chị B tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, định giá và đo đất 5.000.000đ. Đã nộp và chi phí xong.

*6**. Về án phí sơ thẩm:*** Chị B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ và án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng là: 12.375.675.đ, tổng cộng hai khoản là **12.675.675.đ** *(Mười hai triệu sáu trăm bẩy mươi lăm ngàn sáu trăm bẩy mươi lăm đồng),* chị B được đối trừ khoản tiền tạm ứng đã nộp 7.800.000đ, tại các biên lai thu số 0005187 ngày 07/5/2021 số tiền 300.000đ; biên lai thu số 0005190 ngày 11/5/2021 số tiền 7.500.000đ của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phổ Yên. Chị Bích còn phải nộp tiếp: **4.875.675đ** *(Bốn triệu tám trăm bẩy mươi lăm ngàn sáu trăm bẩy mươi lăm đồng)*.

Anh H phải chịu án phí có giá ngạch phần tài sản được hưởng **12.375.675đ** *(Mươi hai triệu ba trăm bẩy mươi lăm ngàn sáu trăm bẩy mươi lăm đồng)*.

7. Về quyền kháng cáo:

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị B , anh H tại phiên toà. Báo cho biết đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Tiên Phong (nơi đăng ký kết hôn);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thu Hà

Nơi nhận
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thị xã Phổ Yên;
- Chi cục THADS thị xã Phổ Yên;
- UBND xã Trung Thành (nơi ĐKKH)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ

Nguyễn Thị Thu Hà